



Thiên Kinh
Qur'an
và
Bản dịch ý nghĩa nội
dung bằng
Việt ngữ

Trung Tâm Ấn Loát Quốc Vương Fahad
về việc xuất bản Thiên Kinh Qur'an



القرآن الكريم
وترجمة معانيه إلى
اللغة الفيتنامية

مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف

Thiên Kinh Qur'an

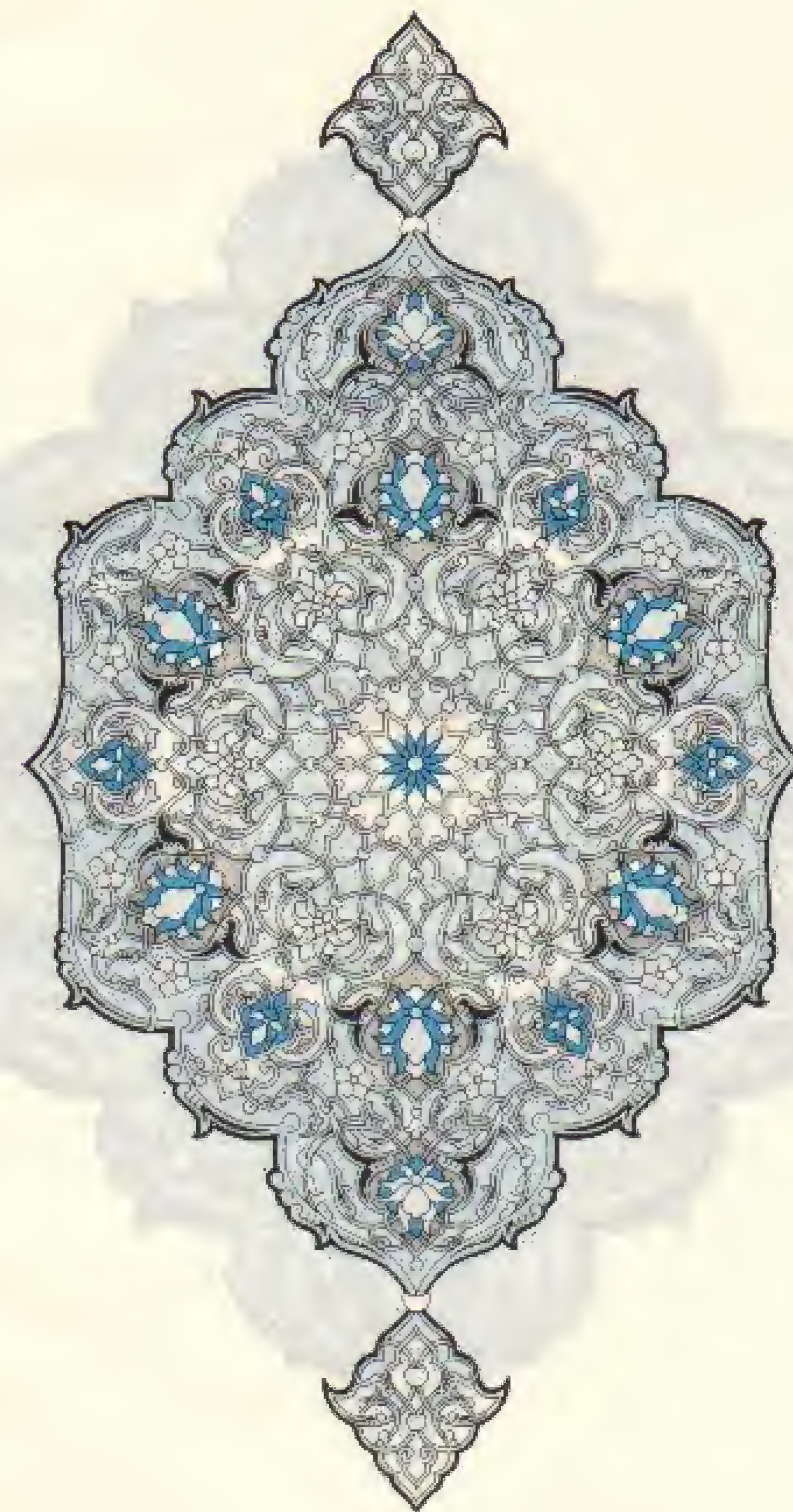
và

Bản dịch ý nghĩa nội dung

do

Hassan Bin Abdul Karim chuyển ngữ
với sự cộng tác của Abdul Halim Ahmed

Trung Tâm Ấn Loát Quốc Vương
Fahad về việc xuất bản Thiên Kinh Qur'an
tại Madina, K.S.A.



Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ Lượng, Đấng Rất mực Khoan Dung

LỜI GIỚI THIỆU

Ngài Sheikh Saleh b. Abdul Aziz b. Muhammad al Sheikh Bộ trưởng Bộ Islam Vụ, Auqaf, Da'wah và Irshad

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng Chủ Tể của vũ trụ và muôn loài.

Allah đã phán trong Kinh sách của Ngài như sau:

"Một Ánh sáng và Kinh Sách quang minh đã đến với các người"

Và Phúc lành và Bằng an cho Nabi Muhammad (saw), Vị Thiên Sứ ưu hạng trong các Sứ Giả của Allah. Người có tuyên bố:

"Tốt nhất trong các người là người học hỏi Qur'an và dạy lại cho người khác"

Nhằm thi hành lệnh truyền của Quốc Vương Fahad b. Abdul Aziz al Saud-Xin Allah che chở Ngài-về việc bảo vệ và duy trì Kinh Sách của Allah cũng như việc phổ biến và phân phối nó cho các tín hữu Muslim trên thế giới;

Bộ Islam Vụ, Auqaf, Da'wah và Irshad của Vương Quốc Ả-rập Saudi nhận thấy tầm mức quan trọng của việc phiên dịch nội dung Qur'an sang các ngôn ngữ quan trọng trên thế giới hầu giúp người Muslim không thông thạo tiếng Ả-rập thông hiểu nội dung Qur'an cũng như việc thi hành lời dạy của Thiên Sứ bảo phải truyền chuyển cho người khác đều là một ayah (câu) nơi ta;

Và nhằm phục vụ các đạo hữu Muslim nói tiếng Việt, Trung tâm Ấn loát Quốc Vương Fahad tại Madinah Munauwarah rất hài lòng giới thiệu với các độc giả nói tiếng Việt bản dịch Qur'an bằng Việt ngữ của Hassan Abdul Karim đã được Sheikh Abdul Halim Ahmad Nguyễn và Sheikh Muhammad Afandi b. Muhammad Yusof đại diện cho Trung tâm Ấn loát duyệt lại.

Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, Đấng đã giúp hoàn tất công trình phiên dịch to lớn rất hữu ích này cho nhân loại với niềm hy vọng nhân loại sẽ hưởng lợi về việc phiên dịch bất vụ lợi nhằm phục vụ Allah.

Quả thật, chúng tôi nhận thấy mặc dù hết sức cố gắng phiên dịch Lời Phán của Allah trong Qur'an, dịch giả vì tính hữu hạn của con người chỉ có thể giúp độc giả hiểu được nội dung của nó chứ không thể dịch hết được ý nghĩa của một kiệt tác.

Ví thế, chúng tôi hy vọng các độc giả nói tiếng Việt sẽ liên lạc với Trung tâm Ấn loát Quốc Vương Fahad tại Madinah Munauwarah về những khuyết điểm khi đọc bản dịch hầu giúp chúng tôi hoàn chỉnh việc ấn loát trong tương lai, Insha Allah.

Allah đã giúp hoàn tất và hướng dẫn theo con đường ngay chính. Xin Ngài chấp nhận việc làm này của chúng tôi bởi vì Ngài là Đấng hằng Nghe và hằng Biết.

Mقدمة

بقلم معالي الشيخ: صالح بن عبدالعزيز بن محمد آل الشيخ

وزير الشؤون الإسلامية والأوقاف والدعوة والإرشاد

المشرف العام على المجمع.

الحمد لله رب العالمين، القائل في كتابه الكريم:

﴿... قَدْ جَاءَكُمْ مِنَ اللَّهِ نُورٌ وَكِتَابٌ مُبِينٌ ۝

وَالصَّلَاةَ وَالسَّلَامَ عَلَى أَشْرَفِ الْأَنْبِيَاءِ وَالْمُرْسَلِينَ، نبينا محمد، القائل:

«خيركم من تعلم القرآن وعلمه».

أما بعد:

فإنفاذاً لتوجيهات خادم الحرمين الشريفين الملك فهد بن عبدالعزيز آل سعود، حفظه الله، بالعناية بكتاب الله، والعمل على تيسير نشره، وتوزيعه بين المسلمين، في مشارق الأرض ومغاربها، وتفسيره، وترجمة معانيه إلى مختلف لغات العالم.

وإيماناً من وزارة الشؤون الإسلامية والأوقاف والدعوة والإرشاد بالملكة العربية السعودية، بأهمية ترجمة معاني القرآن الكريم، إلى جميع لغات العالم المهمة، تسهيلاً لفهمه على المسلمين الناطقين بغير العربية، وتحقيقاً للبلاغ المأمور به في قوله ﷺ: «تَلْعَوْا عَنِّي وَلَوْ آيَةً».

وخدمة لإخواننا الناطقين باللغة الفيتنامية، يطيب لمجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف بالمدينة المنورة، أن يقدم للقارئ الكريم هذه الترجمة الفيتنامية، التي قام بها الشيخ حسن عبد الكريم، وراجعها من قبل المجمع كل من: الشيخ عبدالحليم أحمد (نجوين) والشيخ محمد أفندي بن محمد يوسف.

ونحمد الله سبحانه وتعالى أن وفق لإنجاز هذا العمل العظيم، الذي نرجو أن يكون خالصاً لوجهه الكريم، وأن ينفع به الناس.

إننا لنندرك أن ترجمة معاني القرآن الكريم، مهما بلغت دقتها، ستكون قاصرة عن أداء المعاني العظيمة التي يدل عليها النص القرآني المعجز، وأن المعاني التي تؤديها الترجمة إنما هي حصيلة ما بلغه علم المترجم في فهم كتاب الله الكريم، وأنه يعثر بها ما يعثري عمل البشر كله من خطأ أو نقص.

ومن ثم نرجو من كل قارئ لهذه الترجمة أن يوافي مجمع الملك فهد لطباعة المصحف الشريف بالمدينة النبوية بما قد يجده فيها من خطأ أو نقص أو زيادة، للإفادة من الاستدراكات في الطباعات القادمة إن شاء الله.

والله الموفق، وهو الهادي إلى سواء السبيل، اللهم تقبل منا إنك أنت السميع العليم.

AL-FĀTIHAH (Khai Đề)

- 1.- Nhân danh Allah¹, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung².
- 2.- Mọi lời ca tụng đều dâng lên Allah, *Rabb*³ (Đấng Chủ Tể) của vũ trụ và muôn loài⁴;
- 3.- Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung;
- 4.- Đức Vua⁵ của Ngày Phán xử⁶ (Cuối cùng).
- 5.- (Ôi Allah) duy chỉ Ngài chúng tôi thờ phụng và chỉ với riêng Ngài chúng tôi cầu xin được giúp đỡ⁷;
- 6.- Xin Ngài hướng dẫn chúng tôi (đi) theo con đường ngay chính:
- 7.- Con đường của những người đã được Ngài ban ân⁸, không phải là (con đường của) những kẻ mà Ngài đã giận dữ và (cũng không phải là con đường của) những ai lầm đường lạc lối.

¹ Allah là tên riêng của Đấng Tạo Hóa, Đấng Thượng Đế

² *Ar-Rahmān Ar-Rahīm* là hai thuộc tính (*Sifāt*) của Allah. Allah là Đấng rất mực Nhân từ Độ lượng đối với tất cả chúng sinh, rất mực Khoan dung Tha thứ đối với những ai thờ phụng ngài.

³ *Rabb* là Đấng Tạo hóa, Đấng Yêu thương, Chăm sóc, Nuôi dưỡng, Đấng Thượng Đế, Đấng Chủ Tể đang làm chủ và cai quản tất cả muôn loài muôn vật trong các tầng trời và trái đất

⁴ *‘ālamīn* gồm loài người, loài *jinn* và tất cả vạn vật giữa trời và đất.

⁵ *Malik* là Đức Vua nắm mọi quyền hành xử lý.

⁶ *Dīn* là tôn giáo, hay việc phán xử để thưởng và trừng phạt. Allah là Đức Vua sẽ chủ trì việc xét xử con người vào Ngày Phán xử Cuối cùng. Các Sứ giả của Allah hay Thiên sứ đã mang Chỉ thị của Allah đến chỉ dạy loài người rằng chết không phải là hết mà họ sẽ được phục sinh trở lại để chịu việc phán xử hành động tốt và xấu của họ trên thế gian suốt thời gian họ đã sống trên trái đất chiếu theo hồ sơ cá nhân do các thiên thần ghi lại trong sổ bộ đời của họ.

⁷ Sau khi nhận thức Allah là *Rabb* của mình, người Muslim chỉ tôn thờ và phụng sự riêng Allah và cầu xin Ngài giúp đỡ trong mọi hoàn cảnh. Người Muslim không được nhập nhằng giữa Đấng Tạo Hóa Allah và các tạo vật của Ngài. Mọi vật trong các tầng trời và trái đất và giữa trời đất đều là các tạo vật của Allah kể cả loài người. Người Muslim không được phép tôn thờ các tạo vật của Allah mà chỉ tôn thờ riêng Allah, Đấng Tạo Hóa. Tôn thờ các tạo vật của Allah là phạm một trọng tội mà Allah không bao giờ tha thứ. (Q.4:116)

⁸ Những người đã được Allah ban ân gồm: 1/ Các *Nabi* (Vị tiếp thu Mặc khải); 2/ các *Siddīqūn* (Vị yêu chuộng Sự thật); 3/ các *Shuhadā'* (Vị Tự đạo); và 4/ *Sālihūn* (Vị Hiền lương). (Q.4:69)

AL-BAQARAH¹ (Con Bò Cái Tơ)

Nhân danh Allah, Đấng Rất Mực Độ Lượng, Đấng Rất Mực Khoan Dung

1.- *Alif. Lām. Mīm*².

2.- Đây là Kinh Sách, không có gì phải ngờ vực cả, (dùng làm) Chỉ đạo³ cho những người ngay chính sợ Allah.⁴

3.- Những ai tin điều vô-hình⁵ và chu đáo dâng lễ *Salāh*⁶ và chỉ dùng những vật mà TA (Allah) đã cung cấp;

4.- Và những ai tin tưởng nơi những điều (mặc khải) đã được ban xuống cho Người (Muhammad) và những điều đã được ban xuống vào thời trước Người; và họ tin chắc chắn nơi Đời Sau;

5.- Họ là những người theo đúng sự Dẫn dắt do *Rabb* (Allah) của họ (ban xuống) và là những người sẽ thành đạt.

¹ Đề tựa cho Chương này lấy từ một danh từ 'al-Baqarah' nơi câu 67 của nó. Phương cách đặt tên cho các Chương của Qur'ān đều như thế cả. Tức là dùng một danh từ của Chương để đặt tên cho nó. Về sự tích của al-Baqarah (Con bò cái tơ) sẽ đề cập sau.

² Đây là những chữ cái của mẫu tự Ả-rập. Khi ba chữ cái *Alif. Lām. Mīm.* được đặt chung với nhau như thế thì được gọi là *Muqatta'at* hay chữ tắt. Trong Qur'ān, *muqatta'at* Alif. Lām. Mīm. được khởi xướng tại các chương 2, 3, 29, 30, 31, và 32. Các học giả Muslim giải thích đó là một phương cách Allah gọi sự chú ý của cử tọa. Chỉ Allah thôi biết ý nghĩa của nó.

³ *Huda* là Chỉ đạo hướng dẫn cụ thể.

⁴ *Muttaqīn* là những người có *Taqwa*. *Taqwa* có nghĩa: 1/ Sợ Allah; 2/ Kiểm hãm miệng mồm, tay chân và tấm lòng khỏi phạm tội; 3/ từ đó trở thành ngay chính, đạo đức.

⁵ *Al-Ghayb* có nghĩa là vật, điều mà con mắt thường không thể nhìn thấy được nhưng hiện có, chẳng hạn như Thương đế Allah, Thiên thần, Đời sau, sự Phục sinh, Thiên đàng, Hỏa ngục, Định mệnh v.v... và cụ thể như điện tử, nguyên tử v.v... hiện có nhưng mắt thường không thể nhìn thấy.

⁶ *Salāh* là một nghi lễ thờ phụng Allah của người Muslim được cử hành hằng ngày và có tính bắt buộc. Nghi thức hành lễ *Salāh* đã do Thiên sứ Muhammad (saw) chỉ dạy cho các tín đồ. Nó gồm các động tác *Qiyām* (Đứng thẳng người), *Rukū'* (cúi mình về đằng trước), *Sujūd* (quỳ mọp đầu xuống đất). Trong mỗi động tác, người dâng lễ phải đọc một số câu kinh và lời cầu nguyện ngụ ý tán dương Allah và tự nhắc nhở về mối quan hệ của mình đối với Đấng Tạo hóa Allah.

6.- Quả thật, đối với những kẻ không có đức tin¹, dù Người có cảnh cáo hay không cảnh cáo chúng, điều đó bằng thừa đối với chúng bởi vì chúng nhất định không tin gì cả.

7.- Allah niêm kín tấm lòng của chúng và lấy tấm màn bịt tai và mắt của chúng lại; và chúng sẽ chịu một sự trừng phạt hết sức to lớn.

8.- Và trong nhân loại có những người nói: “Chúng tôi tin tưởng nơi Allah và Ngày (Phán Xử) Cuối cùng” nhưng thật ra chúng không tin gì cả.

9.- Chúng dối Allah và những người tin tưởng nhưng thực sự chúng chỉ dối bản thân mình nhưng chúng không nhận thấy (điều đó).

10.- Trong lòng của chúng có một chứng bệnh (giả dối). Allah làm cho bệnh tình của chúng thêm trầm trọng và chúng sẽ bị trừng phạt đau đớn vì tội nói dối.

11.- Và khi có lời bảo chúng: “Chớ làm điều ác đức trên trái đất” thì chúng đáp: “Chúng tôi chỉ là những người cải thiện cho tốt.”

12.- Đây, chắc chắn chúng là những kẻ ác đức, nhưng chúng không nhận thấy (điều đó).

13.- Và khi có lời bảo chúng: “Các người hãy tin tưởng như mọi người tin tưởng” thì chúng đáp: “Há chúng tôi tin giống như những kẻ dẫn độn tin hay sao?” Đây, chắc chắn chúng là những kẻ dẫn độn, nhưng chúng không biết (đó thôi).

14.- Và khi gặp những ai có đức tin, chúng bảo: “Chúng tôi tin tưởng.” Nhưng khi ở riêng với những tên *Shaytān*² của bọn chúng, chúng bảo: “Chúng tôi theo quý ngài. Chúng tôi chỉ chế giễu họ.”

15.- Allah chế giễu lại chúng và buông cho chúng lang thang vơ vẩn trong sự thái quá.

16.- Chúng là những kẻ đã mua lấy sự lầm lạc thay vì theo Chỉ đạo, nhưng cuộc đổi chác của chúng chẳng có lợi gì và chúng cũng không được hướng dẫn đi đúng đường.

¹ *Kufr*, *Kāfir* từ gốc chữ *kafara* có nghĩa: 1/ Phủ nhận Allah, phụ ơn; 2/ Phủ nhận đức tin, phủ nhận các điều mặc khải của Allah, không tin gì cả; 3/ Phạm thượng, cho rằng Allah mắc phải những thiếu sót, không toàn vẹn v.v...

² *Shayātīn* (số nhiều của *Shaytan*). *Shaytan* (Sa-tăng) còn mang một tên gọi khác là *Iblīs*, một tạo vật mà Allah đã tạo ra bằng lửa ngọn tức loài *Jinn*. (Q.55:15) Nó là kẻ thù của loài người, chuyên dụ dỗ và dẫn dắt họ lạc khỏi Chính đạo của Allah tức *Islām*. *Shayātīn* ở đây ám chỉ những kẻ xấu, bạn bè của *Shaytan*.

إِنَّ الَّذِينَ كَفَرُوا سَوَاءٌ عَلَيْهِمْ ءَأَنذَرْتَهُمْ أَمْ لَمْ تُنذِرْهُمْ لَا يُؤْمِنُونَ ﴿٦﴾ خَتَمَ اللَّهُ عَلَى قُلُوبِهِمْ وَعَلَى سَمْعِهِمْ وَعَلَى أَبْصَارِهِمْ غِشْوَةً وَلَهُمْ عَذَابٌ عَظِيمٌ ﴿٧﴾ وَمِنَ النَّاسِ مَن يَقُولُ ءَامَنَّا بِاللَّهِ وَبِالْيَوْمِ الْآخِرِ وَمَا هُمْ بِمُؤْمِنِينَ ﴿٨﴾ يُخَادِعُونَ اللَّهَ وَالَّذِينَ ءَامَنُوا وَمَا يُخْدَعُونَ إِلَّا أَنفُسُهُمْ وَمَا يَشْعُرُونَ ﴿٩﴾ فِي قُلُوبِهِم مَّرَضٌ فَزَادَهُمُ اللَّهُ مَرَضًا وَلَهُمْ عَذَابٌ أَلِيمٌ بِمَا كَانُوا يَكْذِبُونَ ﴿١٠﴾ وَإِذَا قِيلَ لَهُمْ لَا تُفْسِدُوا فِي الْأَرْضِ قَالُوا إِنَّمَا نَحْنُ مُصْلِحُونَ ﴿١١﴾ أَلَا إِنَّهُمْ هُمُ الْمُفْسِدُونَ وَلَٰكِن لَّا يَشْعُرُونَ ﴿١٢﴾ وَإِذَا قِيلَ لَهُمْ ءَامِنُوا كَمَا ءَامَنَ النَّاسُ قَالُوا أَنُؤْمِنُ كَمَا ءَامَنَ السُّفَهَاءُ أَلَا إِنَّهُمْ هُمُ السُّفَهَاءُ وَلَٰكِن لَّا يَعْلَمُونَ ﴿١٣﴾ وَإِذَا قُلُوا لِلَّذِينَ ءَامَنُوا قَالُوا ءَامِنُوا ءَامِنًا وَإِذَا خَلَوْا إِلَىٰ شَيَاطِينِهِمْ قَالُوا إِنَّا مَعَكُمْ إِنَّمَا نَحْنُ مُسْتَهْزَءُونَ ﴿١٤﴾ اللَّهُ يَسْتَهْزِئُ بِهِمْ وَيَمُدُّهُمْ فِي طُغْيَانِهِمْ يَعْمَهُونَ ﴿١٥﴾ أُولَٰئِكَ الَّذِينَ اشْتَرُوا الضَّلَالَةَ بِالْهُدَىٰ فَمَا رَبِحَت تِّجَارَتُهُمْ وَمَا كَانُوا مُهْتَدِينَ ﴿١٦﴾

AL-IKHLĀS

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung

- 1.- Hãy bảo (họ): “Ngài, Allah, là Một (Duy nhất).
- 2.- “Allah là Đấng Tự Hữu, Độc Lập mà tất cả phải nhờ vả.
- 3.- “Ngài không sinh (để) ai, cũng không do ai sinh ra.
- 4.- “Và không một ai (cái gì) có thể so sánh với Ngài đấng.”

AL-FALAQ

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung

- 1.- Hãy bảo: “Tôi cầu xin *Rabb* của buổi rạng đông che chở,
- 2.- “Tránh khỏi sự tác hại của những vật mà Ngài đã tạo;
- 3.- “Và khỏi sự tác hại của màn đêm khi nó bao phủ;
- 4.- “Và khỏi sự tác hại của những kẻ thối (phù phép) vào những chiếc gút thắt;
- 5.- “Và khỏi sự hãm hại của những kẻ đố kỵ khi họ ganh tị.”

AN-NĀS

Nhân danh Allah, Đấng Rất mực Độ lượng, Đấng Rất mực Khoan dung

- 1.- Hãy bảo (họ): “Tôi cầu xin *Rabb* (Đấng Chủ Tể) của nhân loại,
- 2.- “Đức Vua của nhân loại,
- 3.- “Đấng Thượng Đế của nhân loại,
- 4.- “(Che chở) tránh khỏi sự hãm hại của kẻ thì thào (lời xúi giục, bùa phép) rồi lẫn mất,
- 5.- “Kẻ đã thì thào (những điều tác hại) vào lòng người,
- 6.- “Thuộc loài *Jinn* và loài người.”

سُورَةُ الْإِخْلَاصِ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ۝ اللَّهُ الصَّمَدُ ۝ لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ۝
وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ ۝

سُورَةُ الْفَلَقِ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ ۝ مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ ۝ وَمِنْ شَرِّ
غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ۝ وَمِنْ شَرِّ النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ ۝
وَمِنْ شَرِّ حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ۝

سُورَةُ النَّاسِ

بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ

قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ۝ مَلِكِ النَّاسِ ۝ إِلَهِ
النَّاسِ ۝ مِنْ شَرِّ الْوَسْوَاسِ الْخَنَّاسِ ۝ الَّذِي
يُوسْوِسُ فِي صُدُورِ النَّاسِ ۝
مِنَ الْجِنَّةِ وَالنَّاسِ ۝